

Bản án số:30/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 25/5/2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Hồ

Ông Trần Văn Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nhiều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp CN, xã TY, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (bà N - có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Hồng Mạnh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp CN, xã TY, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (ông K - vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N (*sau đây gọi tắt là bà N*) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Hồng Mạnh K (*sau đây gọi tắt là ông K*) chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/3/2010 tại UBND xã TY, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng

09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong đời sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, do mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Bà N xét thấy không còn tình cảm với ông K nên không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung tên Hồng Quốc H, sinh ngày 19/8/2008, giới tính nam và Hồng Huy H, sinh ngày 05/9/2013, giới tính nam hiện con chung đang sống với bà N. Nay bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Hồng Mạnh K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: 02 Giấy khai sinh (bản sao), 02 bản tự khai, Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2010, biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, cho bà N ly hôn với ông K, giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồng Mạnh K được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông K không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Hồng Mạnh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông K đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/3/2010 tại UBND xã TY, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong đời sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, do mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho

đến nay. Trong quá trình ly thân bà N và ông K không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông K căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[2] Về con chung: Bà N và ông K chung sống với nhau có 02 người con chung tên Hồng Quốc H, sinh ngày 19/8/2008, giới tính nam và Hồng Huy H, sinh ngày 05/9/2013, giới tính nam. Từ khi ly thân đến nay 02 con chung sống chung với bà N. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Xét yêu cầu của bà Nhung phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Bà N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. HĐXX không xem xét.

Ông K có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005784, ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hồng Mạnh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồng Quốc H, sinh ngày 19/8/2008, giới tính nam và Hồng Huy H, sinh ngày 05/9/2013, giới tính nam cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005784, ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Bà N đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Loan